

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HS-PT
Ngày 27 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Huỳnh Đức Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Nang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 55/2023/TLPT-HS ngày 04/7/2023 đối bị cáo **Nguyễn Thị L**, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thị L**, sinh ngày 20/8/1984 tại **huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh**. Nơi cư trú **ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn R** (chết) và bà **Đặng Thị G** (chết); bị cáo có chồng đã ly hôn và có 02 người con; tiền án: Không có; tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại từ đầu cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 15/11/2022, bị cáo **Nguyễn Thị L** điều khiển xe mô tô biển số 63AN-011.53, số máy LC152FMH00663595 (số khung không có) chạy đến nhà bà **Kim Thị T**, sinh năm 1981, địa chỉ **ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh**. Lúc này bà **T** đang ở nhà, bị cáo và bà **T** ngồi nói chuyện đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì bà **T** đi làm nên đóng cửa nhà nhưng không có khóa, thấy vậy bị cáo hỏi bà **T** “không khóa cửa hả”, bà **T** trả lời “không có khóa”. Sau đó bà **T** điều khiển xe mô tô của mình đi làm, bị cáo cũng lên xe điều khiển chạy ra bên ngoài

nhằm mục đích chờ bà T đi ra khỏi nhà để bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Sau khi bà T đi ra khỏi nhà khoảng 10 phút, bị cáo điều khiển xe quay trở lại nhà bà T. Lúc này gia đình bà T không có ai ở nhà, bị cáo quan sát xung quanh không có ai nên lén lút mở cửa nhà trước đi vào bên trong tìm tài sản có giá trị để trộm cắp. Quá trình tìm kiếm, bị cáo phát hiện trong tủ nhôm đựng quần áo có một túi xách màu xám có dây kéo, bị cáo mở túi xách ra xem phát hiện có một cái bóp bằng vải màu trắng hồng, tiếp tục mở cái bóp ra thì phát hiện tiền Việt Nam có nhiều mệnh giá khác nhau, đồng thời có 01 hộp nhựa màu đỏ giống như hộp đựng vàng có nhiều trang sức bên trong, bị cáo lấy tiền và cái hộp nhựa chứa trang sức cất giấu vào túi áo khoác rồi đi về nhà.

Khi về đến nhà, bị cáo kiểm tra thì có số tiền 17.000.000 đồng, mở hộp nhựa ra thì thấy có 01 chiếc nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, 01 chiếc nhẫn kiểu bằng kim loại màu vàng có gắn đá màu đỏ hình trái tim, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình chữ cong, 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình bông hoa 04 cánh có cần hột màu trắng. Sau đó bị cáo cất tài sản trộm được trong một cái túi nhựa màu đen, rồi treo trên vách trong buồng nhà bị cáo.

Đến rạng sáng ngày 16/11/2022, bà T lấy tiền của mình ra để đóng tiền hội thì phát hiện toàn bộ tài sản đã bị mất, gia đình có tìm kiếm nhưng không thấy. Đến ngày 28/11/2022, do thấy bị cáo L có nhiều nghi vấn và nhớ lại sự việc bị cáo có đến nhà của mình trước khi bị mất tài sản, nên bà T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tố giác vụ việc.

Nhận được tố giác của bà T, Cơ quan điều tra đã tiến hành mời bị cáo về cơ quan làm việc. Qua làm việc, bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản nêu trên và giao nộp tất cả trang sức bằng kim loại màu vàng đã trộm được của bà T cho Cơ quan điều tra. Riêng số tiền 17.000.000 đồng, bị cáo đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận giám định số 1105/KL-KTHS, ngày 03/02/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, xác định:

- 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, khối lượng 11,2588 gam, gửi giám định có thành phần kim loại vàng (A), hàm lượng vàng (A) 99,84%.
- 01 chiếc nhẫn kiểu bằng kim loại màu vàng, có gắn mặt đá màu đỏ hình trái tim, khối lượng cả đá 1,8287 gam, gửi giám định có thành phần kim loại vàng (A), hàm lượng vàng (A) 60,50%.
- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 7,2103 gam, gửi giám định có thành phần kim loại vàng (A), hàm lượng vàng (A) 64,04%.
- 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình bông hoa bốn cánh, đính

nhiều hạt đá nhỏ, khối lượng cả đá 1,3783 gam, gửi giám định có thành phần kim loại vàng (A), hàm lượng vàng (A) 58,91%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS, ngày 01/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng, khối lượng 11,2588 gam, có thành phần kim loại vàng (Au) 99,84%, trị giá là 16.020.000 đồng; 01 nhẫn kiểu bằng vàng, có gắn mặt đá màu đỏ hình trái tim, khối lượng cả đá 1,8287 gam, có thành phần kim loại vàng (A) 60,50%, trong đó vàng trị giá là 1.442.000 đồng, mặt đá trị giá là 50.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng, hình chữ cong, khối lượng 7,2103 gam, có thành phần kim loại vàng (Au) 64,04%, trị giá là 7.104.000 đồng; 01 mặt dây chuyền bằng vàng hình bông hoa bốn cánh, đính nhiều hạt đá nhỏ, khối lượng cả đá 1,3783 gam, có thành phần kim loại vàng (A) 58,91%, trong đó vàng trị giá là 1.156.000 đồng, mặt đá trị giá là 50.000 đồng. Tổng trị giá 25.822.000 đồng.

Như vậy, tổng trị giá tài sản bị cáo L trộm cắp được của bà T là 42.822.000 đồng.

* Về vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 xe gắn máy có gắn biển số 63AN-011.53, màu trắng, xe có dán tem Wase, số khung xe không xác định được, số máy LC152FMH00663595, xe đã qua sử dụng (hiện đang quản lý tại kho vật chứng thuộc nhà tạm giữ Công an huyện T); 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn trơn, bên trong chiếc nhẫn có dòng chữ “P. NGHI ĐA 999 3 chỉ”; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn kiểu có cần đá màu đỏ hình trái tim; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khoen dây chuyền hình chữ cong, chiều dài dây chuyền 44cm; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình bông hoa 04 cánh, mặt dây chuyền có cần hột màu trắng; 01 hộp nhựa loại hộp đựng vàng, trên nắp hộp có dòng chữ tiệm V. ĐT 0743878142, Chợ Đ; tiền Việt Nam 3.000.000 đồng.

Ngày 10/3/2023, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại Kim Thị T số vàng trên và 01 hộp nhựa loại hộp đựng vàng. Đối với số tiền 3.000.000 đồng tạm giữ của bị cáo, quá trình điều tra chứng minh là tiền của bị cáo, không phải tiền trộm cắp mà có, nên ngày 15/02/2023 Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Ngày 15/02/2023, bị cáo đã chủ động trả lại số tiền 17.000.000 đồng mà bị cáo đã trộm cho bà T. Bà T không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L** 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, tuyên về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, bị cáo **Nguyễn Thị L** có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Nguyễn Thị L** khai nhận hành vi phạm tội của mình như tại cấp sơ thẩm, thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng với hành vi đã thực hiện. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do: Bị cáo phạm tội lần đầu, luôn thành khẩn khai báo nhận tội, chấp hành nghiêm mọi chủ trương, quy định ở địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của **Nguyễn Thị L**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

Bị cáo không tham gia tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo **Nguyễn Thị L** kháng cáo đúng quy định tại các điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên vụ án được xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của **Nguyễn Thị L** tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 12 giờ ngày 15/11/2022, bị cáo **Nguyễn Thị L** dùng phương tiện xe mô tô biển số 63AN-011.53 chạy đến nhà bị hại **Kim Thị T** tại **ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh**, lợi dụng bà **T** không có nhà, cửa không khóa, bị cáo đã lén lúc trộm cắp tiền, vàng của bà **T**, tổng giá trị tài sản 42.822.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội danh và khung hình phạt. Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây mất trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Quá trình tố tụng bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị mất trộm đã thu hồi được một phần trả lại cho bị hại, phần còn lại bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại xong, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên, có xem xét đến nhân thân của bị cáo và tình hình chính trị tại địa phương, số tiền bị cáo chiếm đoạt tuy dưới 50.000.000 đồng nhưng cũng đã gần mức tối đa của khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án, tiền sự, nhưng có nhân thân xấu vì ngày 19/3/2020 bị Công an huyện T ra quyết định xử phạt hành chính số tiền 350.000 đồng về hành vi đánh bạc. Mặc dù hành vi bị xử phạt hành chính không coi là tiền sự, nhưng cũng thể hiện bị cáo bị cáo khó khả năng cải tạo, việc cho các bị cáo hưởng án treo sẽ gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, đặc biệt là tại địa bàn huyện T. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên bố:

1. Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo **Nguyễn Thị L** không phải nộp do thuộc diện hộ cận nghèo.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- TAND huyện Trà Cú;
- CA huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Lực